

Số: /TB-SNN&PTNT Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

THÔNG BÁO

Tuyển dụng viên chức cho các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa năm 2021

Thực hiện Công văn số 20471/UBND-THKH ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận Kế hoạch tuyển dụng viên chức tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Công văn số 3463/SNV-CCVC ngày 28/12/2021 của Sở Nội vụ về tuyển dụng viên chức tại đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch số 08/KH-SNN&PTNT ngày 11/01/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tuyển dụng viên chức cho các đơn vị thuộc Sở năm 2021 và Phương án số 184/PA-SNN&PTNT ngày 14/01/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa về việc tuyển dụng viên chức cho các đơn vị thuộc Sở năm 2021.

Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa thông báo tuyển dụng viên chức cho các đơn vị trực thuộc Sở năm 2021 như sau:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển

Bảo đảm theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức; Điều 5 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020; Điều 4, Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức, cụ thể:

- Có Quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam.
- Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật lao động.
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức.
- Có lý lịch rõ ràng.
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

1.2. Điều kiện tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ:

- Yêu cầu về trình độ chuyên môn:

Tốt nghiệp đại học trở lên, có ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển dụng, không phân biệt loại hình đào tạo, văn bằng, chứng chỉ, trường công lập, trường ngoài công lập. Riêng các vị trí:

* Vị trí Quản lý bảo vệ rừng tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành: tốt nghiệp trung cấp trở lên, có ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

* Vị trí Quản lý chi nhánh cấp nước tại Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT NT: tốt nghiệp trung cấp trở lên, có ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

* Vị trí công nghệ thông tin tại Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn: tốt nghiệp trung cấp trở lên, có ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

* Vị trí văn thư, thủ quỹ tại Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn: tốt nghiệp trung cấp trở lên, có ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:

+ Đối với vị trí yêu cầu trình độ đại học: có trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc tương đương trở lên (*theo quy định của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

+ Đối với vị trí yêu cầu trình độ trung cấp: có trình độ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên (*theo quy định của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

- Yêu cầu về trình độ tin học: có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên (*theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông*).

- Đối với vị trí việc làm cần tuyển vào các chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: khuyến nông, quản lý bảo vệ rừng, hành chính và văn thư không yêu cầu về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Thời hạn và việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ và tin học theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp được thực hiện theo Công văn số 2847/SGDDĐT-GDTX ngày 13/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- Mất năng lực về hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Số lượng viên chức, cần tuyển tương ứng vị trí việc làm

TT	Vị trí việc làm cần tuyển	Chức danh nghề nghiệp	Tổng số lượng cần tuyển	Số lượng, trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo cần tuyển		
				Số lượng	Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo
	Tổng cộng		104	104		
I	Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản		2	2		
1	Đánh giá viên chất lượng	Kiểm nghiệm viên cây trồng (V.03.03.08)	1	1	Đại học trở lên	Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông học; Công nghệ sinh học
2	Kế toán	Kế toán viên (06.031)	1	1	Đại học trở lên	Kế toán
II	Chi cục Kiểm lâm		8	8		
1	Kế toán	Kế toán viên (06.031)	1	1	Đại học trở lên	Kế toán; Kế toán - Kiểm toán
2	Kiểm lâm	Kiểm lâm viên (10.226)	7	7	Đại học trở lên	Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường; Luật
III	Chi cục Thủy lợi		4	4		
1	Quản lý, bảo vệ đê điều	Kiểm soát viên đê điều (11.082)	3	3	Đại học trở lên	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật tài nguyên nước
2	Công nghệ thông tin	Quản trị viên hệ thống hạng III (V11.06.14)	1	1	Đại học trở lên	Tin học, Công nghệ thông tin

IV	Trung tâm Khuyến nông		1	1		
1	Khuyến nông	Khuyến nông viên hạng III (V.03.09.26)	1	1	Đại học trở lên	Chăn nuôi; Chăn nuôi thú y; Thú y
V	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông		2	2		
1	Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29)	2	2	Đại học trở lên	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường; Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Điều tra hình sự; Luật
VI	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu		1	1		
1	Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29)	1	1	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường
VII	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En		2	2		
1	Quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29)	2	2	Đại học trở lên	Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Luật

VIII	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nghi Sơn		1	1		
1	Quản lý bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29)	1	1	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường
IX	Ban Quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn		5	5		
1	Quản lý bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29)	3	3	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Quản lý đất đai; Nông học; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường
2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên (01.003)	1	1	Đại học trở lên	Quản trị văn phòng; Kế toán; Luật học
3	Văn thư, thủ quỹ	Văn thư viên (02.007)	1	1	Đại học trở lên	Văn thư - Lưu trữ; Kế toán
X	Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Thanh		3	3		
1	Quản lý bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29)	3	3	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường.

XI	Ban Quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành		6	6		
1	Quản lý bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29)	1	1	Đại học trở lên	Nông học; Trồng trọt; Khoa học cây trồng
		Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV (V.03.10.30)	4	4	Trung cấp trở lên	Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường
2	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên (01.003)	1	1	Đại học trở lên	Quản trị văn phòng; Kế toán
XII	Ban Quản lý rừng phòng hộ Thường Xuân		3	3		
1	Quản lý bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên (V.03.10.29)	3	3	Đại học trở lên	Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý đất đai
XIII	Ban Quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh		1	1		
1	Quản lý bảo vệ rừng	Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29)	1	1	Đại học trở lên	Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường
XIV	Ban Quản lý cảng cá Lạch Hới		3	3		
1	Quản lý bảo vệ khu neo đậu tránh trú bão	Chuyên viên (01.003)	3	3	Đại học trở lên	Điều khiển tàu biển; Nuôi trồng thủy sản; Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Quản trị kinh doanh; Quản lý đất đai

XV	Ban Quản lý cảng cá Lạch Bạng		4	4		
1	Quản lý, bảo vệ khu neo đậu tránh trú bão	Chuyên viên (01.003)	3	3	Đại học trở lên	Nuôi trồng thủy sản; Công nghệ chế biến thủy sản; Kinh tế vận tải thủy bộ; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng.
2	Cảng vụ	Chuyên viên (01.003)	1	1	Đại học trở lên	Nuôi trồng thủy sản; Công nghệ chế biến thủy sản; Kinh tế vận tải thủy bộ; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng.
XVI	Ban Quản lý cảng cá Hòa Lộc		3	3		
1	Quản lý bảo vệ khu neo đậu tránh trú bão	Chuyên viên (01.003)	3	3	Đại học trở lên	Điều khiển tàu biển; Khai thác thủy sản; Quản trị kinh doanh; Kinh tế; Kinh tế Luật học; Nuôi trồng thủy sản
XVII	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT NT		54	54		
1	Kế hoạch - kỹ thuật	Chuyên viên (01.003)	7	7	Đại học trở lên	Công trình thủy lợi; Thủy văn - môi trường; Kỹ thuật công trình; Quản trị kinh doanh; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Kỹ thuật tài nguyên nước; Khoa học môi trường; Kế toán
2	Quản lý công trình, dự án	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	7	7	Đại học trở lên	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Cấp thoát nước; Kỹ thuật tài nguyên nước; Quản lý đất đai
3	Quản lý kỹ thuật dịch vụ cấp nước	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	3	3	Đại học trở lên	Kỹ thuật công trình xây dựng; Công trình Thủy lợi; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Cấp thoát nước; Kỹ thuật tài nguyên nước; Địa chất
		Chuyên viên (01.003)	3	3	Đại học trở lên	Kế toán; Quản trị kinh doanh

4	Phân tích chất lượng nước	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	5	5	Đại học trở lên	Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật sinh học; Hóa học; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường
5	Kiểm định đồng hồ	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	3	3	Đại học trở lên	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Hệ thống điện; Cấp thoát nước
6	Quản lý chi nhánh cấp nước	Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	5	5	Đại học trở lên	Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình; Kỹ thuật công trình thủy lợi; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật tài nguyên nước; Cấp thoát nước
		Kỹ sư hạng III (V.05.02.07)	2	2	Đại học trở lên	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ tự động
		Chuyên viên (01.003)	5	5	Đại học trở lên	Quản trị văn phòng; Kế toán; Luật
		Nhân viên (01.005)	7	7	Trung cấp trở lên	Công trình; Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng công trình giao thông; Điện tử công nghiệp; Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy; Thiết bị thí nghiệm trường học
7	Tổ chức hành chính, nhân sự	Chuyên viên (01.003)	2	2	Đại học trở lên	Luật kinh tế; Kế toán; Hành chính; Quản trị văn phòng
8	Kế toán	Kế toán viên (06.031)	3	3	Đại học trở lên	Kế toán; Tài chính ngân hàng
9	Văn thư, thủ quỹ	Văn thư viên trung cấp (02.008)	1	1	Trung cấp trở lên	Hành chính - Văn thư; Luật; Kế toán
10	Công nghệ thông tin	Kỹ thuật viên (V.05.02.08)	1	1	Trung cấp trở lên	Công nghệ thông tin; Tin học
XVIII	Chi cục Chăn nuôi và Thú y		1	1		
1	Chẩn đoán bệnh động vật	Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (V.03.04.11)	1	1	Đại học trở lên	Thú y; Chăn nuôi Thú y

3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự xét tuyển viên chức nộp trực tiếp 03 Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ hoặc gửi theo đường bưu chính (*khi nộp Phiếu đăng ký dự tuyển, phô tô công chứng kèm theo bằng tốt nghiệp, bằng điểm, giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có), chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (đối với các vị trí việc làm yêu cầu chứng chỉ tin học, ngoại ngữ)*).

Trường hợp nộp theo đường bưu chính thì Phiếu đăng ký dự tuyển phải được đơn vị bưu chính gửi đến văn thư của đơn vị tuyển dụng trước thời hạn cuối tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

4. Thời hạn và địa điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại liên hệ

- Thời hạn tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: từ ngày 17/01/2022 đến hết ngày 23/02/2022 (*trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6*).

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: tại các đơn vị mà thí sinh đăng ký dự tuyển.

- Số điện thoại liên hệ: 02373.855.786

5. Hình thức, nội dung tuyển dụng; thời gian và địa điểm tuyển dụng

5.1. Hình thức tuyển dụng

Thực hiện tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển viên chức theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 và Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh.

5.2. Nội dung tuyển dụng

Tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển viên chức: xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

a) Vòng 1

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

b) Vòng 2

- Phỏng vấn để kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

- Thời gian phỏng vấn 30 phút (*trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị*).

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

5.3. Thời gian tuyển dụng

Dự kiến từ tháng 02 đến tháng 04/2022 (*Trường hợp tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp, thời gian tuyển dụng có thể chậm hơn so với dự kiến và Hội đồng tuyển dụng viên chức sẽ có thông báo cụ thể sau*).

5.4. Địa điểm tuyển dụng

Tại Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa, số 49A, Đại lộ Lê Lợi, P.Tân Sơn, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Riêng Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn: tại Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, số 08 đường Lê Văn Huu, P.Tân Sơn, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

6. Lệ phí đăng ký dự tuyển: 500.000đ/01 thí sinh/lần.

Thí sinh đăng ký dự tuyển cần thường xuyên theo dõi thông báo về thời gian kiểm tra sát hạch chính thức và các nội dung có liên quan trên trang điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa (<http://snnptnt.thanhhoa.gov.vn>).

Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa thông báo đến các đơn vị, cá nhân có nhu cầu biết, đăng ký dự tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa năm 2021./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Sở (*để đăng tải trên trang điện tử của Sở và niêm yết tại cơ quan*);
- Sở Nội vụ (*để đăng tải trên trang điện tử của Sở Nội vụ*);
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa;
- Các đơn vị thuộc Sở có nhu cầu tuyển dụng VC (*để niêm yết tại đơn vị và thu hồ sơ*);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường